

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **48/2020/DS-PT**

Ngày 03-12-2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Sơn.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Ngọc Hà;
Ông Ma Hồng Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quan Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang: Bà Nguyễn Hữu Tình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 12 năm 2020 tại Hội trường xét xử tầng 2 - Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 47/2020/TLPT-DS, ngày 04 tháng 11 năm 2020, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2020/DS-ST, ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 53/2020/QĐ-PT, ngày 12 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tạ Thị T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn 5, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Tạm trú tại: Số nhà 348, tổ dân phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (*có mặt*).

2. *Bị đơn:* Anh Chu Trọng Q, sinh năm 1984

Địa chỉ: Xóm 16, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (*có mặt*).

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Chu Trọng Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Tạ Thị T trình bày:

Chị với anh Chu Trọng Q quen biết nhau trên tinh thần là bạn bè từ năm 2017, nên vào khoảng tháng 5/2018 anh Q có hỏi vay chị số tiền 70.000.000đ, mục đích vay để mua ô tô, anh Q hứa sau khi mua được ô tô về sẽ thế chấp ô tô vào ngân hàng để trả cho chị vào ngày 23/5/2018 vì giấy vay tiền viết ngày 08/5/2018 nên chị đã đồng ý cho anh Q vay số tiền 70.000.000đ và anh Q đồng ý viết giấy vay nợ với chị, giấy vay nợ do anh Q là người trực tiếp viết tại nhà chị ở, lúc đó chị với anh Q đang tìm hiểu nhau và chung cảnh ngộ nên hai người yêu thương nhau rồi anh Q về chung sống với chị như vợ chồng, sau đó chị có đòi tiền nợ thì anh Q nói thế chấp ngân hàng trả nợ cho em cô nên không có tiền trả và anh Q nói anh sẽ đi buôn gỗ ở Sơn La để lấy tiền trả cho chị nên chị cũng tạo điều kiện để anh Q đi làm trả nợ. Đầu tháng 11/2018 anh Q nói thiếu vốn và vay thêm chị số tiền 80.000.000đ để anh Q đi buôn gỗ, chị đồng ý cho anh Q vay tiếp 80.000.000đ và yêu cầu anh Q viết giấy vay nợ vào ngày 05/11/2018, anh Q hứa sẽ trả ngay cho chị khi chị yêu cầu nhưng sau đó anh Q đi làm tại Sơn La thì tình cảm giữa chị với anh Q rạn nứt nên chị đã nhiều lần xuống nhà anh Q đòi tiền nhưng anh Q đuổi chị ra khỏi nhà, thách thức chị khởi kiện. Đến ngày 13/11/2019 chị có lấy số điện thoại mới điện thoại nhắn tin cho anh Quang, yêu cầu anh Q trả tiền và sẽ kiện anh Q đến Tòa án thì đến ngày 14/11/2019 khi chị đang ngồi trong nhà thì anh Q lên nhà chị, anh Q ngồi đến trưa, anh Q bảo chị đi chợ nấu cơm, khi chị đi chợ thì anh Q rời khỏi nhà chị, đến tối chị với anh Q nói chuyện qua điện thoại, hai bên cãi nhau thì anh Q nói không trả tiền cho chị, anh Q nói với chị giấy tờ vay tiền mà chị giữ là không có giá trị, là giấy bỏ đi thì chị chột dạ nên đã kiểm tra trong két thì mới biết là đã bị mất giấy tờ gốc, chỉ còn lại bản phô tô vì chị đã phô tô để chuẩn bị giấy tờ khởi kiện, trước khi khởi kiện chị có trao đổi với anh Q nhưng không thiện chí nên chị đã nộp đơn khởi kiện, chị xác định có việc anh Q vay tiền của chị, giấy vay tiền bản gốc chị đã mang đến UBND xã Y, huyện H gặp chú Nguyễn Văn Phòng cán bộ UBND xã Y để công chứng nhưng được trả lời giấy tờ có bản gốc như này thì không cần phải công chứng, chỉ cần có giấy xác nhận chị là người địa phương thì đủ điều kiện đi khởi kiện kèm theo bản gốc đó nên chị cảm về và xác nhận vào giấy tờ của chị là chị là người địa phương, chị đang lưu giữ giấy đó, chị đề nghị Tòa án xác minh làm rõ vì anh Q chính là người đã lấy giấy tờ gốc của chị còn sự việc anh Q vay tiền chị là có thật, nay chị khởi kiện yêu cầu anh Q phải trả cho chị số tiền gốc hai lần vay của chị tổng là 150.000.000đ, chị không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn anh Chu Trọng Q trình bày: Anh và chị Tạ Thị T là bạn bè sau đó phát sinh tình cảm, việc chị T khởi kiện anh vay của chị T số tiền 70.000.000đ vào ngày 08/5/2018 và giấy vay tiền viết ngày 05/11/2018 số tiền 80.000.000đ, anh xác nhận hai giấy đó là anh viết và ký, nhưng vì lí do chị T nhờ anh viết là để giải quyết việc gì anh không biết, chỉ nói là bà hàng xóm giải quyết nên nhờ anh viết thì anh có viết đúng như chị T nhờ trong nội dung của hai giấy đó, nhưng anh có nói viết như vậy thì thành anh vay tiền của em à thì chị T nói cứ đưa cho chị T để phô tô còn bản gốc chị T nói sẽ bỏ, xé đi và xé trước mặt anh nên anh đã đồng ý và tin lời của chị T. Nay chị T khởi kiện yêu cầu anh phải trả chị T tổng số tiền 150.000.000đ như giấy vay tiền bản phô tô mà chị T khởi kiện anh không nhất trí,

anh đề nghị làm rõ động cơ và nguyên nhân gì chị T kiện anh, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; hòa giải không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2020/DS-ST, ngày 08/9/2020 Tòa án nhân dân huyện Y đã Quyết định:

Áp dụng: Điều 6, khoản 3, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị T.

2. Tuyên xử: Buộc anh Chu Trọng Q phải có nghĩa vụ trả cho chị Tạ Thị T tổng số tiền gốc là 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/9/2020 Tòa án nhận đơn kháng cáo của anh Chu Trọng Q đơn ghi ngày 23/9/2020 có nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử lại vụ án, hủy bản án sơ thẩm số 40/2020/DS-ST, ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Y với lý do: Làm rõ việc cán bộ làm sai, thiếu trách nhiệm trong khi làm việc. Làm rõ việc cán bộ xã xác minh thiếu trung thực, khách quan, làm việc thiếu trách nhiệm. Yêu cầu chị Tạ Thị T bồi thường danh dự, thời gian, tổn thất tinh thần, thiệt hại do chị T gây ra, Quyết định của Tòa án huyện Y không hợp tình, thiếu căn cứ, không chính xác. Anh viết giấy vay tiền chị T là do chị T nhờ nên anh viết, chị T nói là để phô tô đi giải quyết việc riêng, không liên quan đến tiền bạc, chị T hứa sẽ xé sau khi phô tô xong. Việc Tòa án xác minh giấy ở UBND xã Y là hoàn toàn thiếu căn cứ, thiếu trung thực và bịa đặt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn - người kháng cáo anh Chu Trọng Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Anh thừa nhận nội dung, chữ viết và chữ ký trong 02 giấy vay tiền ghi ngày 08/5/2018 và ngày 05/11/2018 chị T nộp cho Tòa án (bản pho to) để khởi kiện anh là do anh viết, nhưng do chị T nhờ anh viết 02 giấy vay tiền để chị T sử dụng vào việc riêng nào đó anh không rõ, nhưng sau đó anh có bảo chị T xé bỏ nhưng chị T đã không thực hiện mà lại khởi kiện anh, anh xác định anh không vay của chị T số tiền như trên, anh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét làm rõ động cơ, mục đích của chị T đồng thời hủy bản án sơ thẩm để điều tra, giải quyết lại.

Nguyên đơn chị Tạ Thị T trình bày: Việc anh Q vay chị 02 lần với tổng số tiền 150.000.000đ là đúng thực tế, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của

các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn anh Chu Trọng Q là hợp lệ trong hạn luật định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Chu Trọng Q, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 40/2020/DS-ST, ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Anh Chu Trọng Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Chu Trọng Q nhiều lần nhưng anh Q vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Việc Tòa án nhân dân huyện Y xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, anh Q cho rằng đã gọi điện báo cho Thẩm phán anh bạn không đến tham gia phiên tòa được nhưng anh không có căn cứ chứng minh.

Sau khi xét xử sơ thẩm, anh Q đã được Tòa án tổng đạt Bản án sơ thẩm hợp lệ. Anh Q làm đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định, do đó đơn kháng cáo của anh Q là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo của bị đơn anh Chu Trọng Q:

- Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử lại vụ án, làm rõ động cơ mục đích chị T khởi kiện anh. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Chị Tạ Thị T khởi kiện đòi anh Chu Trọng Q phải trả cho chị số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi. Chị T chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bằng các chứng cứ:

Giấy biên nhận ngày 08/5/2018 nội dung: “*Tên tôi là Chu Trọng Q SN: 1984. HKTT: Xóm 16, xã T - Y - Tquang. CMND số 070897182 cấp ngày 26/3/2018 có vay của chị Tạ Thị T Sn 1987... Số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đến ngày 23/5/2018 tôi trả lại chị T nếu sai tôi chịu trách nhiệm*”, người vay anh Chu Trọng Q ký tên. Giấy vay tiền ngày 05/11/2018 nội dung: “*Tên tôi là Chu Trọng Q Sn 1984... có vay của chị Tạ Thị T ... số tiền là 80.000.000 (tám mươi triệu)...*” người vay anh Chu Trọng Q ký tên.

Tại bản tự khai và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm anh Q thừa nhận hai giấy vay tiền ghi ngày 8/5/2018 và 05/11/2018 (bản photo) chị T xuất trình tại Tòa án là do anh viết và ký, vì chị T nhờ anh viết để giải quyết việc riêng của chị T, sau khi viết xong photo, còn bản gốc xé hủy đi, nên anh viết hộ, thực tế anh ko vay tiền chị T. Tuy nhiên trong bản tự khai (bút lục số 22) anh Q viết: “*Giấy vay tiền ngày 08/5/2018 và 05/11/2018 là do tôi viết để chị T*

photo lại để giải quyết việc riêng và được chị T xé bỏ sau khi nhờ"; Biên bản lấy lời khai ngày 23/12/2019 tại Tòa án huyện Y (bút lục số 23) anh Q khai: "*chị T nhờ viết để photo còn bản gốc chị T nói sẽ bỏ đi và xé trước mặt anh nên anh đồng ý...*"; Biên bản lấy lời khai ngày 26/8/2020 (bút lục số 69) anh Q xác nhận: "*Hai giấy vay nợ do anh viết không bị ai ép buộc, đe dọa, sau khi viết xong thì photo luôn còn bản gốc anh trực tiếp xé*"; Tại biên bản hòa giải ngày 13/02/2020 (bút lục số 32) anh Q xác nhận chữ viết, chữ ký trong giấy biên nhận là của anh và cho rằng sau khi viết hộ Giấy vay tiền bản gốc chị T nói xé bỏ còn xé lúc nào anh không biết.

Như vậy, qua bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, Biên bản hòa giải, thấy rằng lời khai anh Q không nhất quán, mâu thuẫn, thể hiện sự không trung thực. Xét 02 giấy vay tiền do anh Q tự viết ghi ngày 08/5/2018 và ngày 05/11/2018 với tổng số tiền 150.000.000đ, tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm anh Q đều thừa nhận nội dung, chữ viết và chữ ký trong 02 giấy vay tiền là do chính tay anh viết và ký. Hội đồng xét xử thấy việc anh Q cho rằng cả 02 tờ giấy trên do chị T nhờ anh viết hộ và viết trong cùng một ngày là không có căn cứ, mặc dù chị T không xuất trình được bản gốc của 02 giấy vay tiền nêu trên mà chỉ có bản pho to nhưng nội dung trong 02 giấy vay tiền đều được anh Q thừa nhận đúng do anh viết, không bị tẩy xóa thêm bớt, do đó đây là nguồn chứng cứ có giá trị chứng minh việc anh Q vay tiền của chị T là có thật, anh Q cho rằng anh Q viết hộ chị T giấy vay nợ trên chỉ là để chị T giải quyết việc riêng nhưng không có ai chứng kiến mục đích anh Q viết hộ chị T để chị T sử dụng vào việc riêng khác.

Xét thấy anh Q là người có đủ năng lực trách nhiệm dân sự, ý thức được việc mình làm, nhận thức được hậu quả hành vi đã thực hiện có thể phát sinh sự kiện pháp lý, nhận thức được việc vay nợ có thể ràng buộc trách nhiệm giữa người cho vay và người vay nhưng anh Q vẫn thực hiện trên cơ sở tự nguyện, không bị ai đe dọa ép buộc, điều đó thể hiện ý chí và sự tự nguyện của anh Q trong việc vay tiền của chị T, do đó nội dung kháng cáo của anh Q cho rằng anh không vay số tiền 150.000.000đ của chị T là không có căn cứ chấp nhận. Xét, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị T buộc anh Chu Trọng Q có nghĩa vụ phải trả cho chị T số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Đối với yêu cầu kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xét xử hủy bản án sơ thẩm, làm rõ việc cán bộ thiếu trách nhiệm trong khi làm việc, cán bộ xã xác minh thiếu trung thực, khách quan. Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Y đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bản thân anh Q đã viết bản tự khai, được Thẩm phán lấy lời khai, thể hiện tại biên bản lấy lời khai ngày 23/12/2019, ngày 26/8/2020; được tiến hành hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 13/2/2020, ngày 25/02/2020; được đọc lại biên bản lấy lời khai....Như vậy, quyền và nghĩa vụ của đương sự đã được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, anh Q kháng cáo cho rằng Thẩm phán làm việc thiếu trách nhiệm là không có căn cứ chấp nhận; việc Tòa án nhân dân huyện Y đã giải

quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nên không có căn cứ hủy bản án như đề nghị của anh Q.

- Đối với yêu cầu kháng cáo biên bản do Tòa án nhân dân huyện Y tiến hành xác minh tại UBND xã Y, anh Q cho rằng cán bộ xã xác minh thiếu trung thực, không khách quan, Hội đồng xét xử thấy rằng: việc Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Y thực hiện việc xác minh để củng cố vững chắc các chứng cứ, nhằm làm rõ tình tiết của vụ án, bảo đảm việc giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện là cần thiết, việc xác minh được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự, do vậy việc anh Q kháng cáo cho rằng việc Tòa án xác minh thiếu căn cứ, thiếu tính trung thực là không có cơ sở.

- Đối với kháng cáo của anh Q yêu cầu chị T phải bồi thường danh dự, thời gian, tổn thất tinh thần, thiệt hại do chị T gây ra. Hội đồng xét xử xét thấy việc chị T có đủ căn cứ khởi kiện yêu cầu anh Q phải trả khoản tiền vay theo giấy vay nợ anh Q viết là hoàn toàn chính đáng, phù hợp quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo trên của anh Q.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của anh Chu Trọng Q, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc anh Q có nghĩa vụ trả cho chị Tạ Thị T số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng như đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên anh Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của anh Chu Trọng Q.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị T, buộc anh Chu Trọng Q phải có nghĩa vụ trả cho chị Tạ Thị T tổng số tiền gốc là 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Chu Trọng Q phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án

phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001837, ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Anh Chu Trọng Q đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 03/12/2020).

Trường hợp bản án Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Hồ Thanh Sơn